

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2022

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung

2. Bà Phạm Tú Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1970; Thường trú: Số 127A/5, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1964; Thường trú: Số 127A/5, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ tháng 9/1991 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An) tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 88/KH, quyền số 01/2003 ngày 20/8/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khi sinh đứa con đầu tiên năm 1992 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Hữu K

thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình. Trong những lần tranh cãi như vậy, ông K thường dùng những lời lẽ thô tục và đánh đập bà Phan Thị T.

Quá trình chung sống, bà Phan Thị T đã 02 lần làm đơn xin ly hôn vào năm 1999 nộp đơn tại khu phố Nội Hóa 01 và năm 2021 nộp đơn tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, nhưng vì các con nên bà T đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, ông K không thay đổi tính tình, vẫn thường xuyên ăn nhậu, không lo lắng làm ăn. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân 02 năm nay.

Nay bà Phan Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 19/10/1992 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 22/12/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu K trình bày: Ông Nguyễn Hữu K thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị T về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông Nguyễn Hữu K thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 cuộc sống có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, do thu nhập không ổn định nên vợ chồng có cãi nhau. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu K xác định vẫn còn tình cảm với bà Phan Thị T nên trước yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị T thì ông K không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 19/10/1992 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 22/12/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Phan Thị T thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Hữu K có địa chỉ tại số 127A/5, khu phố Nội Hóa 1, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/KH, quyền số 01/2003 ngày 20/8/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K đều thống nhất khai nhận vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1991 và đăng ký kết hôn vào năm 2003. Bà T xác định

sau nhiều năm chung sống, vợ chồng bà đã xảy ra những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; tính tình không hợp, ông K thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, không phụ giúp trong vấn đề kinh tế trong gia đình. Trong những lần vợ chồng tranh cãi, ông K thường dùng những lời lẽ thô tục và đánh đập bà T. Vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Ông K thừa nhận từ năm 2021 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, do thu nhập không ổn định nên vợ chồng có cãi nhau, vợ chồng sống ly thân đã 02 năm nay. Ông K xác định vẫn còn tình cảm với bà T và vì các con nên không chấp nhận ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay ông K cũng không có hành động nào tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Thực tế cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân. Bà T đã hai lần nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và đã rút đơn để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 19/10/1992 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 22/12/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K (theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/KH, quyển số 01/2003 ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương).

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003279 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án có mặt bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hữu K.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An, Tp. Dĩ An
Tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng